

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Hà Nội T10- 2016

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308,963,049,407	433,494,765,690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18,532,213,650	38,556,822,668
1. Tiền	111	V.1	18,532,213,650	38,556,822,668
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b		0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,040,409,100	2,439,993,900
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1,355,750,000	3,944,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(315,340,900)	(1,504,006,100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99,388,054,770	204,891,001,707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72,134,886,276	179,809,862,800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9,758,187,452	8,011,792,100
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			2,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17,555,569,042	15,129,934,807
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(60,588,000)	(60,588,000)
IV. Hàng tồn kho	140		188,499,881,964	183,181,178,794
1. Hàng tồn kho	141	V.6	190,201,234,005	186,462,054,288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,701,352,041)	(3,280,875,494)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,502,489,923	4,425,768,621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1,499,422,985	4,310,791,621
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3,066,938	114,977,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		756,355,585,169	768,586,983,005
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		170,859,170,539	182,841,658,211
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	165,945,043,594	176,635,714,007
- Nguyên giá	222		228,908,670,325	227,767,692,825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62,963,626,731)	(51,131,978,818)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9	4,914,126,945	6,205,944,204
- Nguyên giá	228		12,457,902,000	12,457,902,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,543,775,055)	(6,251,957,796)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,899,346,664	2,113,446,664
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241	V.7	2,899,346,664	2,113,446,664

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		581,607,128,538	583,456,063,880
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	568,273,488,538	570,122,423,880
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13,333,640,000	13,333,640,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		989,939,428	175,814,250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		989,939,428	175,814,250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,065,318,634,576	1,202,081,748,695
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		165,942,859,870	373,664,933,111
I. Nợ ngắn hạn	310		148,702,569,170	315,776,695,911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	44,438,458,352	89,139,194,784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,257,876,063	30,291,844,036
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2,344,955,927	4,463,101,126
4. Phải trả người lao động	314		18,800,112,938	38,757,894,900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	357,397,286	1,089,290,086
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x/dụng	317			0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	11,256,553,863	11,409,474,242
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	54,207,082,700	116,887,898,460
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,040,132,041	23,737,998,277
10. Quỹ bình ổn giá	323			
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		17,240,290,700	57,888,237,200
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Vay và nợ dài hạn	338		17,240,290,700	57,888,237,200

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

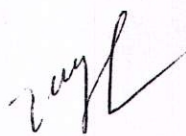
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

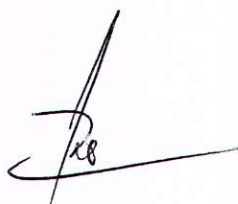
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		899,375,774,706	828,416,815,584
I. Vốn chủ sở hữu	410		899,375,774,706	828,416,815,584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331,245,527,850	331,245,527,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			0
5. Cổ phiếu quỹ	415		(40,000,000)	(20,000,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	272,568,279,593	197,461,033,229
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	142,651,967,263	146,780,254,505
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20,768,371,815	5,884,996,210
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		121,883,595,448	140,895,258,295
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,065,318,634,576	1,202,081,748,695

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phan Thế Tỷ

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

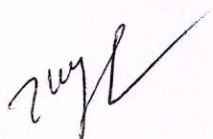
Trần Kim Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	114,342,555,436	98,488,979,741	563,201,322,781	541,270,270,622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9,216,156,465	12,799,717,820	33,865,625,777	53,605,560,008
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105,126,398,971	85,689,261,921	529,335,697,004	487,664,710,614
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	62,212,855,671	42,043,384,101	331,732,564,562	303,296,994,312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42,913,543,300	43,645,877,820	197,603,132,442	184,367,716,302
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2,908,359,073	1,434,042,958	21,273,155,633	7,809,992,608
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	937,585,335	1,753,488,880	9,090,722,759	7,497,515,529
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,397,618,635	1,374,197,591	6,214,851,995	3,518,318,616
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	6,170,476,176	5,218,798,016	42,821,029,019	38,986,105,538
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6,085,824,410	9,380,619,758	40,172,607,472	41,244,370,528
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32,628,016,452	28,727,014,124	126,791,928,825	104,449,717,315
11. Thu nhập khác	31	VI.6	63,000,000	4,489,361,886	999,050,930	4,851,717,307
12. Chi phí khác	32			-	9,172,642	-
13. Lợi nhuận khác	40		63,000,000	4,489,361,886	989,878,288	4,851,717,307
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,691,016,452	33,216,376,010	127,781,807,113	109,301,434,622
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1,515,796,111	2,383,109,985	5,734,211,665	5,322,699,397
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31,175,220,341	30,833,266,025	122,047,595,448	103,978,735,225

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phan Thế Tỷ

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Kim Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 30/09/2016

Đơn vị : VND

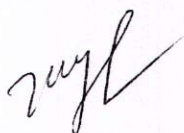
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		557,409,602,627	487,801,628,087
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(340,409,203,766)	(299,061,493,420)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(68,906,597,504)	(61,118,457,650)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6,372,827,275)	(3,961,991,319)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6,803,590,806)	(3,795,458,856)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10,004,941,294	17,651,478,364
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(37,581,508,117)	(51,447,182,986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		107,340,816,453	86,068,522,220
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(16,925,425,585)	(78,439,793,491)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,000,000,000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(190,062,013,838)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,485,800,415	25,939,518,970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,560,374,830	(242,562,288,359)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-		-
2. Tiền trả lại v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32	-	(20,000,000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	87,195,486,200	207,581,648,450
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(190,524,248,460)	(84,881,471,300)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(30,567,056,000)	(45,885,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(133,915,818,260)	76,815,177,150
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(20,014,626,977)	(79,678,588,989)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38,556,822,668	97,094,853,557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(9,982,041.00)	5,293,716
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		18,532,213,650	17,421,558,284

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập ngày 12 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Phan Thế Tý



Trần Kim Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu : Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm và bán buôn chuyên doanh khác
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Danh sách các công ty con :

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thái Bình
- Chi nhánh Thanh Hóa
- Chi nhánh Hà Nam
- Xí nghiệp Ba Vì
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Ba Vì
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Khoái Châu
- Nhà máy chế biến Thường Tín
- Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.

➤ Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 Công ty có 314 người lao động.

7. Thông tin trên Báo cáo tài chính có khả năng so sánh với số cùng kỳ năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
2. Tuyên bố về việc tuân thủ : Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức của năm trước khi trở thành công ty con ghi nhận giảm giá gốc đầu tư.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ trở đi 3 đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2016 là năm thứ 6 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 20% (thay đổi từ ngày 01/01/2016).

➤ Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ Các loại thuế, phí, lệ phí khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	4,017,978,811	4,426,435,334
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,514,234,839	34,130,387,334
Tiền đang chuyển		
Cộng	18,532,213,650	38,556,822,668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh.

	30/09/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu						
	1,355,750,000	1,040,409,100	(315,340,900)	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)
Công ty CP cảng rau quả (VGP)						
	1,355,750,000	1,040,409,100	(315,340,900)	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

➤ Tỷ lệ sở hữu (%)

	30/09/2016		01/01/2016	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450,100	90.02%	450,100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,219,130	61.49%	9,219,130	61.49%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Bình	99,938	10.03%	99,938	10.03%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG
Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

➤ **Giá trị vốn góp**

		30/09/2016			01/01/2016		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Đầu tư vào công ty con	568,273,488,538			570,122,423,880		
	Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608,000,000			30,608,000,000		
	Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	6,823,788,000			6,823,788,000		
	Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	530,841,700,538			532,690,635,880		
2	Đầu tư vào đơn vị khác						
	Công ty cổ phần GCT Thái Bình	13,333,640,000			13,333,640,000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn (chi tiết 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tổng phải thu của khách hàng, trong đó :	72,134,886,276	179,809,862,800
<i>Cục trồng trọt</i>	16,380,000,000	73,803,000,000
<i>Phải thu của các đối tượng khác</i>	51,979,037,241	104,262,963,275
<i>Phải thu của bên liên quan</i>	3,775,849,035	1,743,899,525
Cộng	72,134,886,276	179,809,862,800

4. Phải thu khác

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó :				
Tạm ứng đầu tư	12,715,380,000		12,715,380,000	
Phải thu tạm ứng nội bộ	1,346,772,100		719,349,000	
Phải thu dự án	2,098,472,912			
Phải thu khác	1,394,944,030		1.695.205.807	
Cộng	17,555,569,042		15,129,934,807	

5. Nợ xấu

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	60,588,000		60,588,000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. Hàng tồn kho

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20,554,871,364		18,325,100,383	
Công cụ, dụng cụ	44,170,000			
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	619,564,962		724,797,145	
Thành phẩm	162,189,637,985	(1,701,352,041)	144,985,401,049	(3,280,875,494)
Hàng hoá	6,792,989,694		22,426,755,711	
Cộng	190,201,234,005	(1,701,352,041)	186,462,054,288	(3,280,875,494)

7. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Dự án khác	785,900,000	
Cộng	2,899,346,664	2,113,446,664

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	127,690,264,291	83,274,314,361	15,556,971,383	1,246,142,790	227,767,692,825
2. Tăng, giảm trong năm	440,637,500	172,410,000	0	527,930,000	1,140,977,500
-Mua trong năm		172,410,000		527,930,000	700,340,000
-Đầu tư XDCB hoàn thành	440,637,500				440,637,500
- Tăng khác					0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
3. Số cuối năm	128,130,901,791	83,446,724,361	15,556,971,383	1,774,072,790	228,908,670,325
II. Giá trị hao mòn					0
1. Số đầu năm	19,940,265,923	22,667,542,018	7,859,429,808	664,741,069	51,131,978,818
2. Tăng, giảm trong năm	4,551,289,526	6,096,460,830	1,032,045,598	151,851,959	11,831,647,913
-Khấu hao trong năm	4,551,289,526	6,096,460,830	1,032,045,598	151,851,959	11,831,647,913
-Tăng khác					0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
3. Số cuối kỳ	24,491,555,449	28,764,002,848	8,891,475,406	816,593,028	62,963,626,731
III. Giá trị còn lại					0
1. Tại ngày đầu năm	107,749,998,368	60,606,772,343	7,697,541,575	581,401,721	176,635,714,007
2. Tại ngày cuối năm	103,639,346,342	54,682,721,513	6,665,495,977	957,479,762	165,945,043,594

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 18.774.995.176 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2,395,787,000	9,310,000,000	752,115,000	12,457,902,000
2. Tăng trong kỳ				
-Mua trong năm				
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				
-Tăng khác				
-Thanh lý, nhượng bán				
-Giảm khác				
3. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	9,310,000,000	752,115,000	12,457,902,000
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	120,000,000	6,117,333,338	14,624,458	6,251,957,796
2. Tăng trong kỳ	0	1,179,000,009	112,817,250	1,291,817,259
-Khấu hao trong năm		1,179,000,009	112,817,250	1,291,817,259
-Tăng khác				-
-Thanh lý, nhượng bán				-
-Giảm khác				-
3. Số dư cuối kỳ	120,000,000	7,296,333,347	127,441,708	7,543,775,055
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	2,275,787,000	3,192,666,662	737,490,542	6,205,944,204
2. Tại ngày cuối kỳ	2,275,787,000	2,013,666,653	624,673,292	4,914,126,945

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối quý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120,000,000 đồng

10. Chi phí trả trước

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn: công cụ, vật liệu xuất dùng	1,499,422,985	4,310,791,621
b. Dài hạn	989,939,428	175,814,250
Cộng	2,489,362,413	4,486,605,871

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Nợ ngắn hạn						
Nợ ngắn hạn	27,501,973,200	27,501,973,200	77,651,823,200	(165,546,693,710)	115,396,843,710	115,396,843,710
Nợ dài hạn đến hạn trả	26,705,109,500	26,705,109,500	25,214,054,750		1,491,054,750	1,491,054,750
Cộng ngắn hạn	54,207,082,700	54,207,082,700	102,865,877,950	(165,546,693,710)	116,887,898,460	116,887,898,460
b Nợ dài hạn						
Nợ dài hạn	43,945,400,200	43,945,400,200	9,543,663,000	(24,977,554,750)	59,379,291,950	59,379,291,950
Nợ dài hạn đến hạn trả	(26,705,109,500)	(26,705,109,500)		(25,214,054,750)	(1,491,054,750)	(1,491,054,750)
Cộng dài hạn	17,240,290,700	17,240,290,700	9,543,663,000	(50,191,609,500)	57,888,237,200	57,888,237,200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

12. Phải trả người bán

	30/09/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn, trong đó :				
<i>Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên - TQ</i>	44,438,458,352	44,438,458,352	89,139,194,784	89,139,194,784
	13,428,968,351	13,428,968,351	41,701,362,241	41,701,362,241
<i>Lý Kim Văn (Ông Bách)</i>			10,652,610,112	10,652,610,112
<i>XN19 - CN Cty TNHH MTV Duyên Hải</i>			9,543,663,000	9,543,663,000
<i>Phải trả bên liên quan (SSC)</i>	2,001,000,000	2,001,000,000		
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	29,008,490,001	29,008,490,001	27,241,559,431	27,241,559,431
b Phải trả dài hạn				
Cộng	44,438,458,352	44,438,458,352	89,139,194,784	89,139,194,784

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,585,175,252	5,734,211,665	6,803,590,806	1,515,796,111
Thuế thu nhập cá nhân	1,555,811,168	7,523,961,014	8,250,612,366	829,159,816
Tiền thuê đất, thuế đất	322,114,706	130,452,861	455,634,505	(3,066,938)
Thuế khác	(114,977,000)	363,672,276	248,695,276	-
Cộng	4,348,124,126	13,258,172,679	15,054,203,172	2,341,888,989

14. Chi phí phải trả

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a Ngắn hạn	357,397,286	1,089,290,086
Các khoản trích trước khác	357,397,286	1,089,290,086
b Dài hạn		
Cộng	357,397,286	1,089,290,086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

15. Phải trả khác

	30/09/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
a Ngắn hạn, trong đó:	11,256,553,863	11,409,474,242
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>91,826,820</i>	<i>95,876,300</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN</i>	<i>169,986,308</i>	<i>61,668,237</i>
<i>Kinh phí hỗ trợ giống gốc</i>	<i>984,550,275</i>	<i>984,550,275</i>
<i>Các dự án</i>	<i>824,650,900</i>	<i>2,748,814,790</i>
<i>Chi phí đền bù đất DA Đồng Văn</i>	<i>2,847,000,000</i>	<i>2,847,000,000</i>
<i>Phải trả công nhân K01</i>	<i>1,358,000,000</i>	
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>4,980,539,560</i>	<i>4,671,564,640</i>
b Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư ngày tại 01/01/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,402,261,406	126,878,534,309	751,476,323,565
Lợi nhuận thuần trong năm					156,503,636,295	156,503,636,295
Phát hành cổ phiếu						-
Mua cổ phiếu quỹ			(20,000,000)			(20,000,000)
Bán cổ phiếu quỹ						-
Phân phối vào các quỹ				61,771,278,935	(61,771,278,935)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi					(13,097,259,164)	(13,097,259,164)
Chi cổ tức					(45,885,000,000)	(45,885,000,000)
Sử dụng các quỹ				(4,712,507,112)	(15,288,378,000)	(20,000,885,112)
Thù lao HĐQT và BKS					(560,000,000)	(560,000,000)
Tăng khác						-
Giảm khác						-
Số dư ngày tại 31/12/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	(20,000,000)	197,461,033,229	146,780,254,505	828,416,815,584

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư ngày tại 01/01/2016	152,950,000,000	331,245,527,850	(20,000,000)	197,461,033,229	146,780,254,505	828,416,815,584
Lợi nhuận thuần trong năm					122,047,595,448	122,047,595,448
Chi cổ tức năm 2015					(30,567,056,000)	(30,567,056,000)
Mua cổ phiếu quỹ			(20,000,000)			(20,000,000)
Thù lao HĐQT và BKS					(514,000,000)	(514,000,000)
Phân phối các quỹ				80,213,702,576	(80,213,702,576)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi					(14,881,124,114)	(14,881,124,114)
Sử dụng các quỹ				(5,106,456,212)		(5,106,456,212)
Số dư tại ngày cuối kỳ	152,950,000,000	331,245,527,850	(40,000,000)	272,568,279,593	142,651,967,263	899,375,774,706

Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCD2016 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2016 ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Chia cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 23/NQ-HDQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 20 tháng 6 năm 2016.

Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Vốn góp của tập đoàn Pan	114,712,500,000	114,712,500,000
- Vốn góp của cổ đông khác	38,237,500,000	38,237,500,000
Cộng	152,950,000,000	152,950,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2016 (VND)	2015 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	15,283,528	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành phổ thông	15,283,528	15,288,378
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	11,472	6,622

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	272,568,279,593	197,461,033,229
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	272,568,279,593	197,461,033,229

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

g. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Quỹ khen thưởng	11,398,616,918	23,293,551,730
Quỹ phúc lợi	3,641,515,123	444,446,547
Cộng	15,040,132,041	23,737,998,277

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

- a. Tài sản nhận giữ hộ : 762.740.055 đồng
b. Hàng hóa nhận giữ hộ : 62.222.500.000 đồng
c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	10.474	29.393	1,000,000
Tại ngân hàng	35.61	71,620.21	-

d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2,892,931,475 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	563,168,703,733	541,270,270,622
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32,619,048	
Cộng	563,201,322,781	541,270,270,622

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chiết khấu thương mại	5,773,052,041	17,906,022,448
Giảm giá hàng bán	103,524,000	142,766,000
Hàng bán bị trả lại	27,989,049,736	35,556,771,560
Cộng	33,865,625,777	53,605,560,008

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	333,312,088,015	303,586,635,554
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1,579,523,453)	(289,641,242)
Cộng	331,732,564,562	303,296,994,312

Năm 2016 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí khấu hao nhà kho, máy móc phục vụ chế biến, đóng gói sản phẩm từ chi phí bán hàng chuyển sang giá thành sản phẩm.

Công ty thực hiện phân loại lại các loại chi phí trên trong năm 2015 theo cách ghi nhận của năm 2016 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	358,474,115	720,445,154
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19,295,650,158	6,534,767,348
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,619,031,360	554,780,106
Cộng	21,273,155,633	7,809,992,608

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền vay	6,214,851,995	3,518,318,616
Chiết khấu thanh toán	3,720,379,964	3,239,427,273
Lỗ chênh lệch tỷ giá		819,769,440
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản kinh doanh và tổn thất đầu tư	(848,415,200)	(79,999,800)
Chi phí hoạt động tài chính khác	3,906,000	
Cộng	9,090,722,759	7,497,515,529

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Thu nhập khác	999,050,930	4,851,717,307
Chi phí khác	(9,172,642)	
Cộng	989,878,288	4,851,717,307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
a. Chi phí quản lý	40,172,607,472	41,244,370,528
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>25,804,931,486</i>	<i>29,237,964,732</i>
<i>Các khoản chi phí QLDN khác</i>	<i>14,367,675,986</i>	<i>12,006,405,796</i>
b. Chi phí bán hàng	42,821,029,019	38,986,105,538
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>13,500,602,892</i>	<i>14,241,941,802</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>8,247,281,774</i>	<i>9,448,577,813</i>
<i>Chi phí chế biến đóng gói</i>	<i>4,923,719,625</i>	<i>5,332,374,999</i>
<i>Các khoản chi phí bán hàng khác</i>	<i>16,149,424,728</i>	<i>9,963,210,924</i>

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339,030,684,671	312,058,682,966
Chi phí nhân công	49,769,321,854	49,523,049,810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13,445,091,504	7,628,226,644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,615,340,696	18,033,970,119
Chi phí bằng tiền khác	7,203,673,303	4,796,331,524
Cộng	425,064,112,028	392,040,261,063

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	5,734,211,665	5,995,860,600
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		(673,161,203)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5,734,211,665	5,322,699,397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
ĐVT : VND

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>30/09/2016</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	87,195,486,200
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>30/09/2016</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	190,524,248,460

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

ĐVT : VND

1. Lợi nhuận sau thuế

	<u>Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	<u>31,175,220,341</u>	<u>30,833,266,025</u>
Cộng	<u>31,175,220,341</u>	<u>30,833,266,025</u>

Tổng lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 bằng 101.11% so với quý 3/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

2. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau :**

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	6,523,580,000	4,787,380,386
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	15,949,578,220	1,733,543,520
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây		7,350,000
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	6,146,805,000	1,340,736,000
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	2,001,000,000	
Cổ tức		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	612,160,000	520,336,000
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	18,438,260,000	18,438,260,000
Số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ như sau :		
	30/09/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Phải thu tiền bán hàng		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	298,908,750	774,707,394
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	3,476,940,285	975,081,834
Phải trả tiền mua hàng		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	2,001,000,000	3,413,953,964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

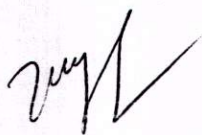
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Lập Ngày 12 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thế Tỷ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên